

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚ ĐÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXH

Phú Đình, ngày tháng 03 năm 2024

V/v báo cáo thống kê về thanh niên  
theo Thông tư 07/2020/TT-BNV  
ngày 15/12/2020 của Bộ Nội vụ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa,
- Phòng Nội vụ huyện Định Hóa.

Thực hiện công văn số 1122/UBND-NV ngày 06/3/2024 của UBND huyện Định Hóa về việc báo cáo thống kê về thanh niên theo Thông tư 07/2020/TT-BNV ngày 15/12/2020 của Bộ Nội vụ. UBND xã Phú Đình báo cáo như sau:

**Biểu số:**  
**001t.N/BCT-**  
**GDDT**

Ngày nhận báo cáo:  
ngày 10/3 năm sau

**SỐ THANH NIÊN HỌC**  
**TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**Kỳ đầu năm học 2021-2022**

(có đến ngày 30/9 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo: Trường THPT Định  
Hóa, Phòng Giáo dục và Đào tạo,  
UBND các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo dục  
& ĐT, Phòng Nội vụ huyện

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Số thanh niên đi học cấp trung học phổ thông	Số thanh niên đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông
A	B	1	2
<b>Tổng số</b>	01	<b>223</b>	<b>223</b>
<b>1. Chia theo giới tính</b>			
Nam	02	<b>113</b>	<b>113</b>
Nữ	03	<b>110</b>	<b>110</b>
<b>2. Chia theo dân tộc</b>			
Kinh	04	<b>50</b>	<b>50</b>
Khác	05	<b>173</b>	<b>173</b>
<b>3. Chia ra theo lớp</b>			
- Học sinh lớp 10	06	<b>69</b>	<b>69</b>
- Học sinh lớp 11	07	<b>75</b>	<b>75</b>
- Học sinh lớp 12	08	<b>79</b>	<b>79</b>
<b>4. Chia theo xã, thị trấn</b>			
Xã Phú Đình	09	<b>223</b>	<b>223</b>
Xã.....	10		

**Biểu số: 02tn.**  
**N/BCT-GDĐT**  
Ngày nhận báo  
cáo: ngày 10/3  
năm sau

**TỶ LỆ THANH NIÊN TỐT  
NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ  
THÔNG, LƯU BAN, BỎ HỌC CẤP  
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**Kỳ cuối năm học 2021-2022**  
(Có đến 31/5 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo: Trường THPT  
Định Hóa, Phòng Giáo dục và  
Đào tạo, UBND các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo  
dục & ĐT, Phòng Nội vụ huyện

*Đơn vị tính: %*

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp trung học phổ thông	Tỷ lệ thanh niên lưu ban cấp trung học phổ thông	Tỷ lệ thanh niên bỏ học cấp trung học phổ thông
A	B	1	2	3
<b>Toàn huyện</b>	01			
<b>1. Chia theo giới tính</b>				
Nam	02	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Nữ	03	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2. Dân tộc</b>				
Kinh	04	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Khác	05	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Chia theo xã, thị trấn</b>				
Xã Phú Đình	06	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số: 003tn.N/BCT-GDDT**

Ngày nhận báo cáo: Ngày 10/3 năm sau

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
CỦA THANH NIÊN**

Đơn vị báo cáo: UBND các xã, thị trấn

Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Nội vụ

	Mã số	Số thanh niên là sinh viên đại học			Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp đại học (%)	Số thanh niên được đào tạo sau đại học		
		Tổng số sinh viên (người)	Sinh viên tuyển mới (người)	Sinh viên tốt nghiệp (người)		Tổng số (người)	Thạc sĩ (người)	Tiến sĩ (người)
	B	1	2	3	4	5	6	7
<b>Tổng số</b>	01	<b>45</b>	<b>23</b>	<b>22</b>	<b>48.88</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
<b>1. Chia theo giới tính</b>								
Nam	02	<b>24</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>50.0</b>			<b>0</b>
Nữ	03	<b>21</b>	<b>11</b>	<b>10</b>	<b>44.82</b>			<b>0</b>
<b>2. Chia theo Dân tộc</b>								
Kinh	04	<b>29</b>	<b>16</b>	<b>13</b>	<b>44.82</b>			<b>0</b>
Khác	05	<b>55</b>	<b>35</b>	<b>20</b>	<b>36.36</b>			<b>0</b>
<b>3. Chia theo Loại trường</b>								
Công lập	06	<b>45</b>	<b>23</b>	<b>22</b>	<b>48.88</b>			<b>0</b>
Ngoài công lập	07							
<b>4. Chia theo cấp quản lý</b>								
...	...							
<b>5. Chia theo nhóm ngành đào tạo</b>								
....	...							
<b>6. Chia theo xã, thị trấn</b>								
	...							

**Biểu số:**  
**004tn.N/BCT-GDDĐT**  
Ngày nhận báo cáo:  
ngày 10/3 năm sau

**SỐ THANH NIÊN LÀ HỌC SINH,  
SINH VIÊN ĐƯỢC TƯ VẤN GIÁO  
DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ SỐ  
THANH NIÊN ĐƯỢC TRANG BỊ  
KIẾN THỨC VỀ KỸ NĂNG SỐNG,  
 BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG  
CHỐNG BẠO LỰC GIỚI  
Năm 2023**

Đơn vị báo cáo:  
Phòng Giáo dục và  
Đào tạo, UBND các  
xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Sở Giáo dục & ĐT,  
Phòng Nội vụ huyện

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Tổng số thanh niên là học sinh, sinh viên	Số thanh niên là học sinh, sinh viên được tư vấn giáo dục hướng nghiệp	Số thanh niên được trang bị kiến thức về kỹ năng sống, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực giới
A	B	1	2	3
<b>Toàn huyện</b>	<b>01</b>			
<b><i>1. Chia theo Giới tính</i></b>				
Nam	02	<b>110</b>	<b>98</b>	<b>45</b>
Nữ	03	<b>113</b>	<b>105</b>	<b>60</b>

Biểu số: 001tn.N/BCT-YT  
Ngày nhận báo cáo: ngày  
02/4 năm sau năm báo cáo

**CHIỀU CAO VÀ CÂN  
NẶNG TRUNG BÌNH  
CỦA THANH NIÊN  
Năm 2023**

Đơn vị báo cáo: TT Y tế, Trạm Y tế,  
UBND các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế, Phòng  
Nội vụ huyện

	Mã số	Chiều cao trung bình của thanh niên (cm)		Cân nặng trung bình của thanh niên (kg)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
A	B	1	2	3	4
<b>Tổng số</b>	01				
<b>1. Chia theo dân tộc</b>					
- Kinh	02	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
- Khác	03	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>					
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	<b>155</b>	<b>150</b>	<b>48</b>	<b>44</b>
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	<b>1,62</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>16</b>
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	<b>1,66</b>	<b>1,52</b>	<b>65</b>	<b>50</b>
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>3. Chia theo dân tộc</b>					
Kinh	08	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
Khác	09	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>4. Chia theo thành thị/nông thôn</b>					
Thành thị	10				
Nông thôn	11	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
<b>5. Chia theo xã, thị trấn</b>					
Xã Phú Đình	12	<b>1,65</b>	<b>1,52</b>	<b>60</b>	<b>50</b>
xã.....	13				

Biểu số: 002tn.N/BCT-YT  
Ngày nhận báo cáo: ngày  
20/4 năm sau năm báo cáo

**TỶ LỆ THANH NIÊN  
HÚT THUỐC LÁ VÀ  
UỐNG RƯỢU BIA  
Năm 2023**

Đơn vị báo cáo: TT Y tế, Trạm Y tế,  
UBND các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế, Phòng  
Nội vụ huyện

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá		Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia		Tỷ lệ thanh niên uống rượu bia đến mức nguy hại	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số</b>	01						
<b>1. Chia theo nhóm tuổi</b>							
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	02	3	0	2	0	0	0
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	03	8	0	10	2	0	0
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	04	10	0	25	4	0	0
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	05	12	0	40	4	2	0
<b>2. Chia theo thành thị/nông thôn</b>							
Thành thị	06						
Nông thôn	07	7	0	24	4	2	0
<b>3. Chia theo xã, thị trấn</b>				x	x	x	x
Xã Phú Đình	08			x	x	x	x
Xã .....	09			x	x	x	x

Biểu số: 003tn.N/BCT-YT  
 Ngày nhận báo cáo: ngày 20/4 năm  
 sau

TÌNH HÌNH NHIỄM HIV VÀ TỬ VONG DO  
 HIV/AIDS CỦA THANH NIÊN  
 Năm 2023

Đơn vị báo cáo: TT Y tế, Trạm Y tế, UBND các xã, thị trấn  
 Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế, Phòng Nội vụ huyện

A	Mã số	Tình hình nhiễm HIV của thanh niên				Số thanh niên tử vong do HIV/AIDS được báo cáo	
		Tổng số thanh niên nhiễm HIV (người)	Trong đó: Số thanh niên nhiễm HIV mới phát hiện (người)	Tỷ lệ thanh niên nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi-rút HIV (%)	Số thanh niên nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 thanh niên	Số chết trong kỳ (người)	Số tích lũy từ ca đầu tiên (người)
<b>Tổng số</b>	01						
<b>1. Chia theo giới tính</b>							
- Nam	02	0	0	0	0	0	0
- Nữ	03	0	0	0	0	0	0
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>							
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	0	0	0	0	0	0
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	0	0	0	0	0	0
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	0	0	0	0	0	0
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	0	0	0	0	0	0
<b>3. Chia theo thành thị/nông thôn</b>							
Thành thị	08	0					
Nông thôn	09	0					
<b>4. Chia theo xã, thị trấn</b>							
Xã Phú Đình	10	0	0	0	0	0	0
Xã .....	11						

Biểu số: 004tn.N/BCT-YT  
 Ngày nhận báo cáo: ngày  
 02/4 năm sau

**TÌNH HÌNH KẾ HOẠCH  
 HÓA GIA ĐÌNH VÀ PHÁ  
 THAI CỦA THANH  
 NIÊN/VỊ THÀNH NIÊN  
 Năm 2023**

Đơn vị báo cáo: TTY tế, Trạm  
 Y tế, UBND các xã, thị trấn  
 Đơn vị nhận báo cáo: Sở Y tế,  
 Phòng Nội vụ huyện

A	Mã số	Tỷ lệ nữ thanh niên có nhu cầu kế hoạch hóa gia đình chưa được đáp ứng		Số lượt phá thai tại các cơ sở y tế được cấp phép (lượt)		Tỷ lệ phá thai ở vị thành niên tại các cơ sở y tế được cấp phép (%)
		Giãn khoảng cách sinh(%)	Hạn chế số con (%)	Tổng số	Số lượt phá thai của phụ nữ từ 15 tuổi đến 19 tuổi	
	B	1	2	3	4	5
<b>Tổng số</b>	01					
<b>1. Chia theo tình trạng hôn nhân</b>		x	x			
Có chồng	02	x	x	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Chưa có chồng	03	x	x	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2. Chia theo dân tộc</b>				x	x	x
Kinh	04			x	x	x
Khác	05			x	x	x
<b>3. Chia theo nhóm tuổi</b>				x	x	x
Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	05	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	06	<b>3</b>	<b>0</b>	x	x	x
Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	07	<b>2</b>	<b>0</b>	x	x	x
Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	08		<b>0</b>	x	x	x
<b>4. Chia theo trình độ học vấn</b>				x	x	x
Chưa đi học	09	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Chưa tốt nghiệp tiểu học	10	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Tốt nghiệp tiểu học	11	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Tốt nghiệp trung học cơ sở	12	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
Tốt nghiệp trung học phổ thông	13	<b>0</b>	<b>0</b>	x	x	x
<b>5. Chia theo thành thị/nông thôn</b>						
Thành thị	14					
Nông thôn	15	<b>5</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>6. Chia theo xã, thị trấn</b>						
Xã Phú Đình	16	<b>5</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
Xã .....	17					



Biểu số: 005tn.N/BCT-YT  
Ngày nhận báo cáo:  
Ngày 02/4 năm sau

**SỐ THANH NIÊN ĐƯỢC TUYÊN  
TRUYỀN THAY ĐỔI HÀNH VI,  
THÁI ĐỘ KỶ THỊ, PHÂN BIỆT ĐỐI  
XỬ VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THANH  
NIÊN DỄ BỊ TÔN THƯƠNG, NGƯỜI  
ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN  
GIỚI  
Năm 2023**

Đơn vị báo cáo: TT Y  
tế, Trạm Y tế, UBND  
các xã, thị trấn  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Sở Y tế, Phòng Nội  
vụ huyện

*Đơn vị tính: Người*

	Mã số	Số thanh niên được tuyên truyền thay đổi hành vi thái độ kỷ thị, phân biệt đối xử với các đối tượng thanh niên dễ bị tổn thương, người đồng tính, song tính, chuyển giới
A	B	1
<b>Tổng số</b>	01	<b>223</b>
<b>1. Chia theo giới tính</b>		
- Nam	02	<b>110</b>
- Nữ	03	<b>113</b>
<b>2. Chia theo nhóm tuổi</b>		
- Từ đủ 16 tuổi đến 17 tuổi	04	<b>50</b>
- Từ đủ 18 tuổi đến 21 tuổi	05	<b>62</b>
- Từ đủ 22 tuổi đến 25 tuổi	06	<b>57</b>
- Từ đủ 26 tuổi đến 30 tuổi	07	<b>54</b>
<b>3. Chia theo thành thị/nông thôn</b>		
Thành thị	08	
Nông thôn	09	
<b>4. Chia theo xã, thị trấn</b>		
Xã Phú Đình	10	<b>223</b>
Xã .....	11	

Biểu số 001tn.N/BCT-  
TTTT

Ngày nhận báo cáo:  
ngày 10/3 năm sau

TỶ LỆ THANH NIÊN SỬ  
DỤNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG,  
MÁY TÍNH, INTERNET  
Năm 2023

Đơn vị báo cáo:

Phòng Văn hóa và Thông tin

Đơn vị nhận báo cáo: Phòng

Nội vụ huyện

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên sử dụng điện thoại di động		Tỷ lệ thanh niên sử dụng máy tính	Tỷ lệ thanh niên sử dụng internet
		Chung	Trong đó: Điện thoại thông minh		
A	B	1	2	3	4
<b>Toàn huyện</b>	01				
<b>1. Chia theo giới tính</b>					
Nam	02	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>35</b>	<b>100</b>
Nữ	03	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>35</b>	<b>100</b>
<b>2. Chia theo thành thị/nông thôn</b>					
- Thành thị	04				
- Nông thôn	05				
<b>3. Chia theo xã, thị trấn</b>					
Xã Phú Đình	06	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>35</b>	<b>100</b>
Xã .....	07				

Nơi  
nhận:

Người lập và kiểm tra các biểu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

- Như kính gửi;  
- Lưu: VP, VH.

**Hoàng Thị Hằng**

**Ma Doãn Thành**